

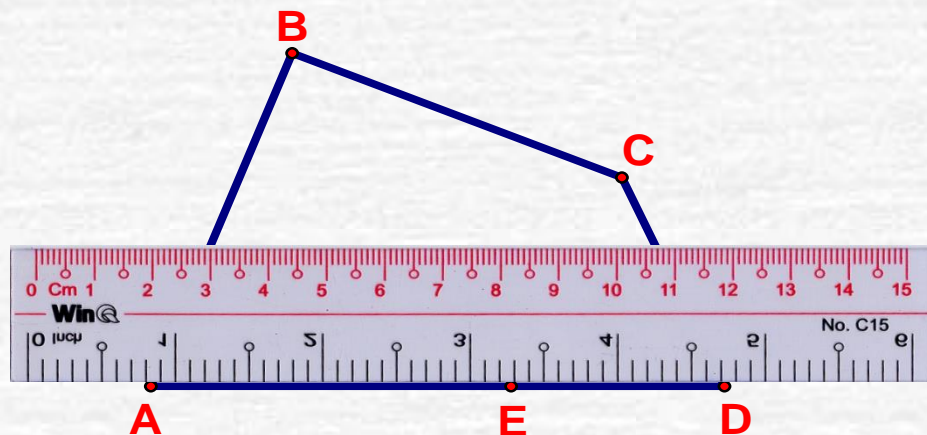
CHƯƠNG II ĐA GIÁC. DIỆN TÍCH ĐA GIÁC

§1 ĐA GIÁC. ĐA GIÁC ĐỀU

1) Khái niệm về đa giác.

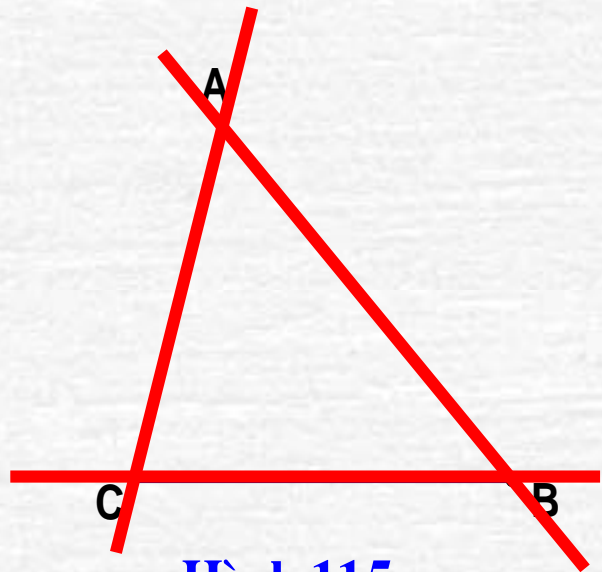
Đa giác ABCDE là hình gồm năm đoạn thẳng AB, BC, CD, DE, EA trong đó bất kỳ hai đoạn thẳng nào có một điểm chung cũng không cùng nằm trên một đường thẳng.

?1 Tại sao hình gồm năm đoạn thẳng AB, BC, CD, DE, EA ở hình 118 không phải là đa giác ?

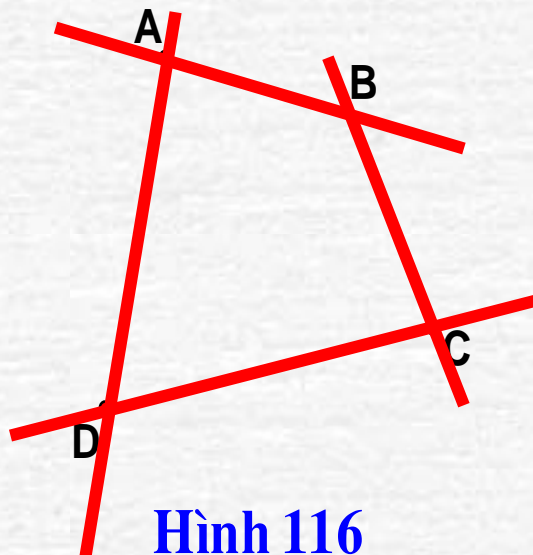


Hình 118

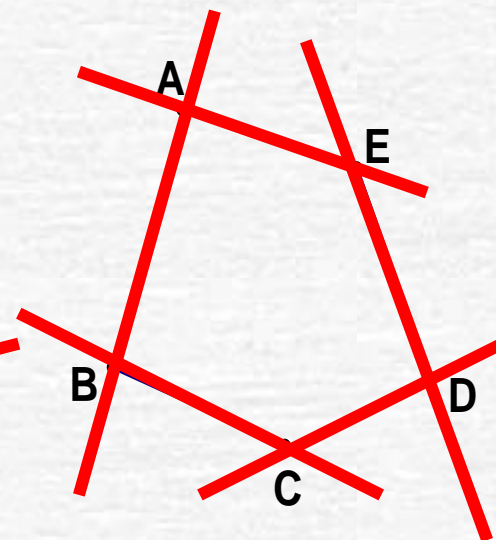
* Định nghĩa đa giác lồi.



Hình 115



Hình 116



Hình 117

Đa giác lồi là đa giác luôn nằm trong một nửa mặt phẳng có bờ là đường thẳng chứa bất kỳ cạnh nào của đa giác đó.

Chương II: ĐA GIÁC. DIỆN TÍCH ĐA GIÁC

§1 ĐA GIÁC. ĐA GIÁC ĐỀU

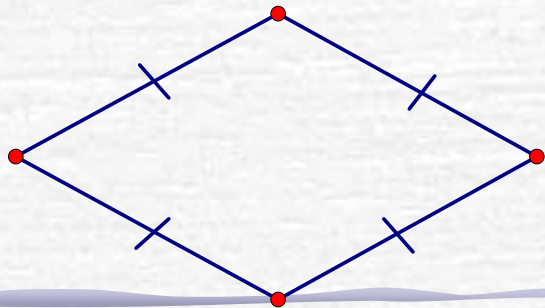
1) Khái niệm về đa giác

- * Khái niệm đa giác.
- * Định nghĩa đa giác lồi.

2) Đa giác đều

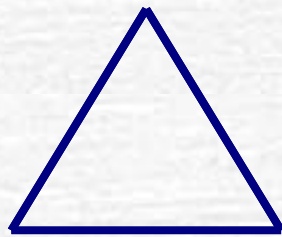
Đa giác đều là đa giác có tất cả các cạnh bằng nhau và tất cả các góc bằng nhau.

Hình thoi và chữ nhật có phải là đa giác đều không? Vì sao?



?4

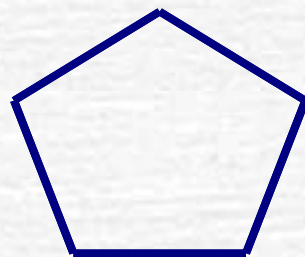
Hãy vẽ các trục đối xứng và tâm đối xứng (nếu có) của các hình sau:



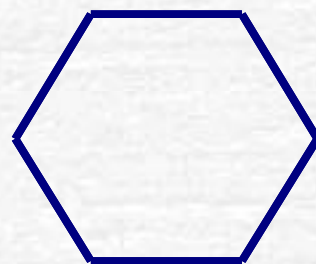
a) Tam giác đều



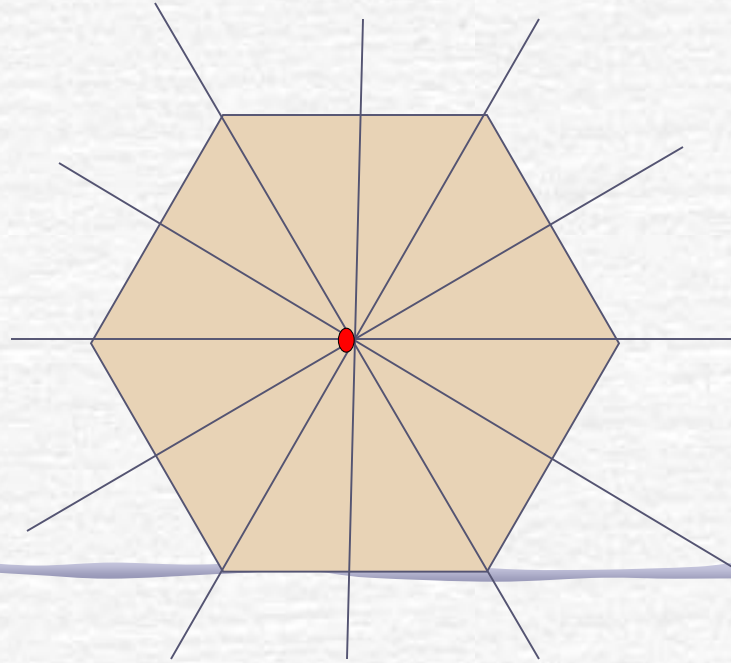
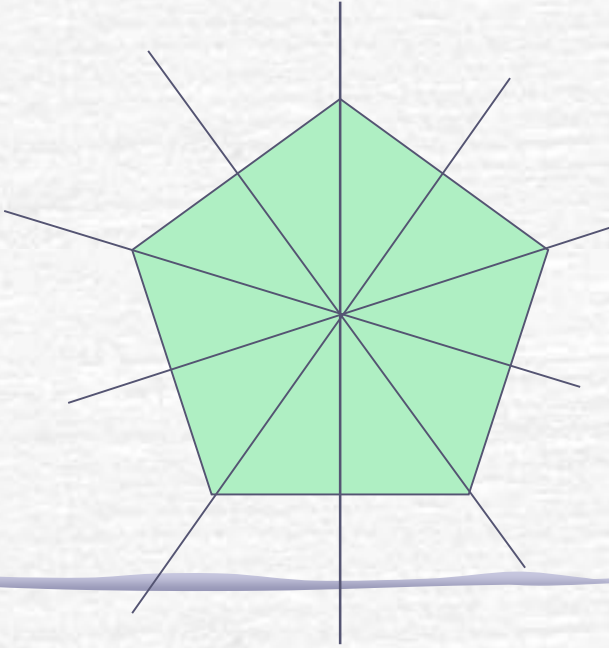
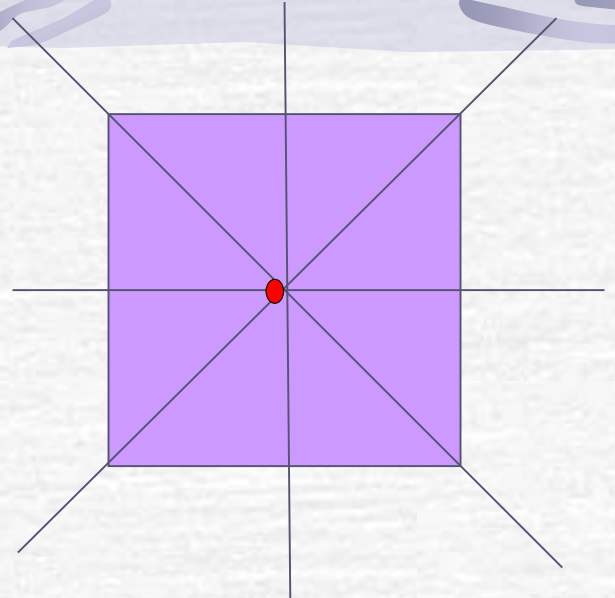
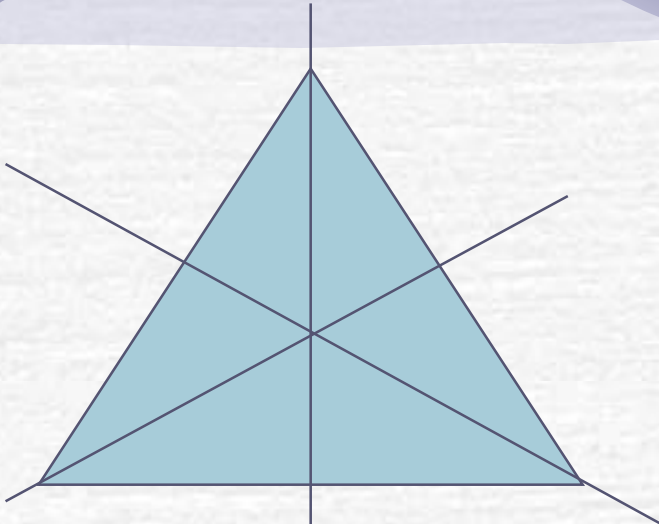
b) Hình vuông
(tứ giác đều)



c) Ngũ giác đều



d) Lục giác đều



Điền số thích hợp vào các ô trống trong bảng sau:

				Đa giác n cạnh
Số cạnh	4	5	6	n
Số đường chéo xuất phát từ một đỉnh	1	2	3	n - 3
Số tam giác được tạo thành	2	3	4	n - 2
Tổng số đo các góc của đa giác	2.180^0 $= 360^0$	3.180^0 $= 540^0$	4.180^0 $= 720^0$	$(n-2).180^0$

VỀ NHÀ

- * Học thuộc và nắm chắc khái niệm đa giác, định nghĩa đa giác lồi; đa giác đều. Công thức tính tổng các góc của đa giác.
- * Làm các bài tập: 1, 3 – SGK. Bài 2, 3, 5 - SBT.
- * Xem trước bài: “Diện tích hình chữ nhật”
- * Ôn tập công thức tính diện tích: tam giác, hình chữ nhật, hình vuông.
- * Chuẩn bị thước thẳng, êke, kéo, cắt các hình A, B, C, D như hình 121 trang 116 - SGK.

§2. DIỆN TÍCH HÌNH CHỮ NHẬT

Trong tiết học này, chúng ta sẽ nghiên cứu các nội dung sau:

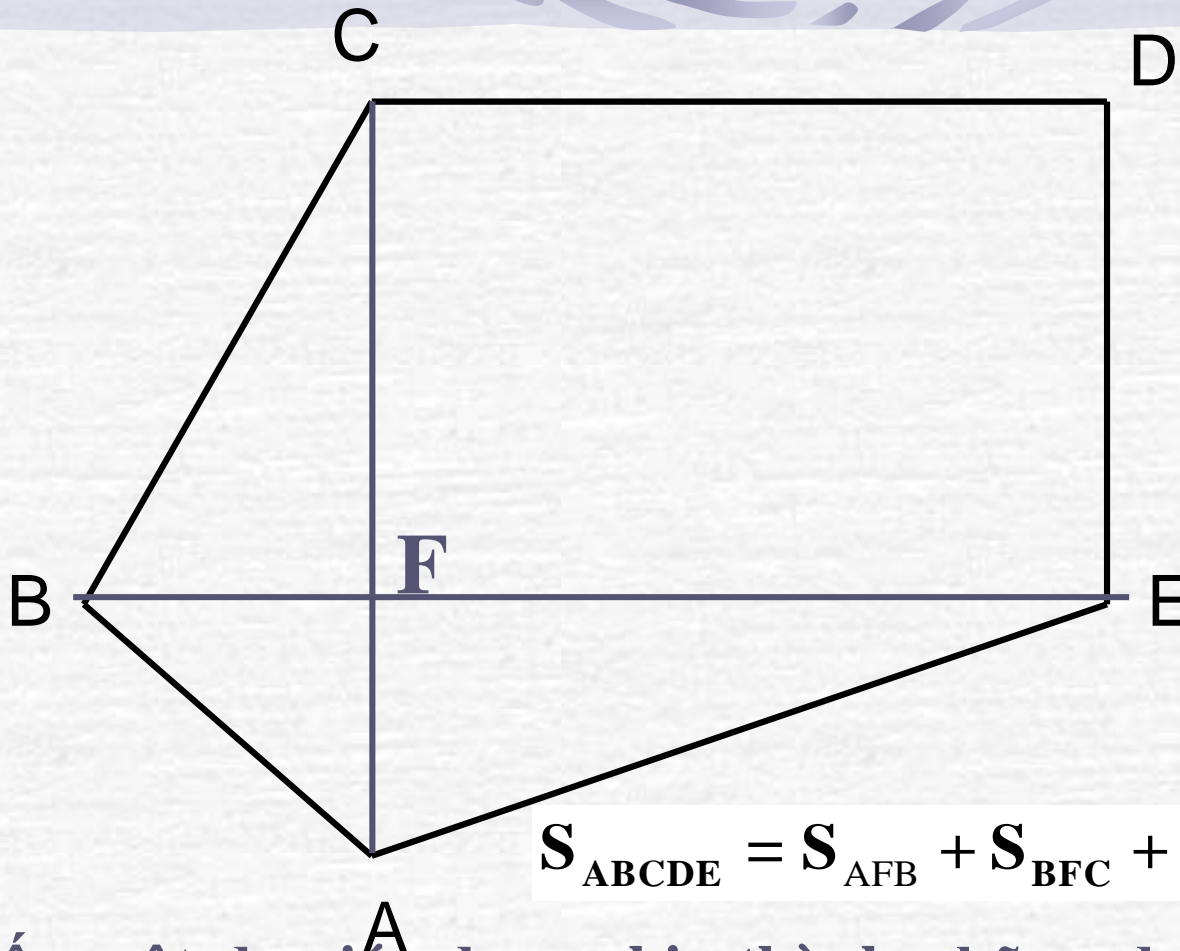
- 1. Khái niệm diện tích đa giác**
- 2. Công thức tính diện tích hình chữ nhật**
- 3. Công thức tính diện tích hình vuông, tam giác vuông**

1. Khái niệm diện tích đa giác

❖ Nhận xét:

- *Số đo của phần mặt phẳng giới hạn bởi một đa giác được gọi là diện tích của đa giác đó.*
- *Mỗi đa giác có một diện tích xác định. Diện tích đa giác là một số dương.*

B
D
C
E

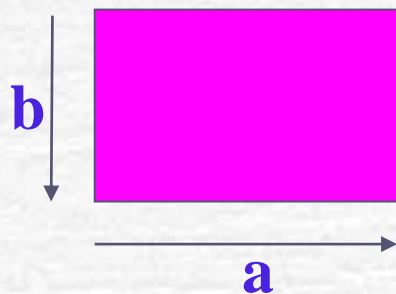


$$S_{ABCDE} = S_{AFB} + S_{BFC} + S_{FCDE} + S_{AFE}$$

2) Nếu một đa giác được chia thành những đa giác **không có điểm trong chung** thì diện tích của nó bằng tổng diện tích của những đa giác đó.

2. Công thức tính diện tích hình chữ nhật:

Định lí: Diện tích hình chữ nhật bằng tích hai kích thước của nó.



$$S = a.b$$

(a, b cùng đơn vị đo)

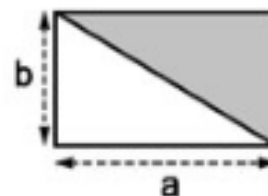
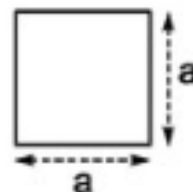
2. Công thức tính diện tích hình vuông, tam giác vuông:

Diện tích hình vuông bằng bình phương cạnh của nó :

$$S = a^2.$$

Diện tích tam giác vuông bằng nửa tích hai cạnh góc vuông :

$$S = \frac{1}{2} a.b.$$



Bài 1. (BT 6 tr118 SGK)

Diện tích hình chữ nhật thay đổi như thế nào nếu:

a) Chiều dài tăng hai lần, chiều rộng không đổi?

- Diện tích hình chữ nhật sẽ lần

b) Chiều dài và chiều rộng tăng 3 lần?

- Diện tích hình chữ nhật sẽ lần

c) Chiều dài tăng 4 lần, chiều rộng giảm 4 lần?

- Diện tích hình chữ nhật sẽ

Bài 7 (SGK) Một gian phòng có nền hình chữ nhật với kích thước là **4,2m và 5,4m**, có một cửa sổ hình chữ nhật kích thước là **1m và 1,6m** và một cửa ra vào hình chữ nhật kích thước **1,2m và 2m**.

Ta coi một gian phòng đạt mức chuẩn về ánh sáng nếu diện tích cửa bằng 20% diện tích nền nhà. Hỏi gian phòng trên có đạt mức chuẩn về ánh sáng hay không?